

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/03/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD8+TD1	7:25	13+0	0+0		16+6	0+0	
2		BK16+VSP02	7:25	1+21	0+0		0+22	0+0	
3		RP2	7:25	22	0		22	0	
4		BK6+P2	7:25	9+13	0+0		4+18	0+0	
5		PVD8+SAVR	9:25	10+4	0+0		16+6	0+0	
6		MRM+BK8	9:25	9+8	0+0		7+15	0+0	
7		VSP02+RC3	9:25	15+5	0+0		13+8	0+0	
8		BK5+BK3+P2	9:25	7+1+12	0+0+0		4+3+15	0+0+0	
9		CTC1+BK6+P5	11:35	20+0+0	0+0+0		14+3+3	0+0+0	
10		RC10+RP2	11:35	7+15	0+0		4+18	0+0	
11		RC4+P2	14:00	4+15	0+0		0+20	0+0	
12		PVD8+P4	14:00	11+0	0+0		16+6	0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK6-3NG, RP2-3NG.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: CAM-1	TO: PVD8 - TD1	CREW: QVIỆT - N.ANH - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1324	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BART JOHANNES KOK	PVD8	87-88	2	16			102	PVD DD	Holland
2	NGUYỄN VĂN TIẾN	PVD8	98	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	PVD8	92	1	7			87	KHOAN	Vietnamese
4	CAO TRỌNG TIẾN	PVD8	96	1	10			61	DMC-MI	Vietnamese
5	LÊ VĂN NAM	PVD8	27-28	2	12			58	PVD LOGGI	Vietnamese
6	ĐÌNH TẤN VINH	PVD8	84-85	2	12			53	PVD LOGGI	Vietnamese
7	STEPHEN GARETH BARTLEY	PVD8	94-95	2	18			104	PVD DD	British
8	PHẠM TRỌNG HÙNG	PVD8	89	1	5			74	PVDO	Vietnamese
9	BUI XUÂN KHOA	PVD8	97	1	10			56	PVDO	Vietnamese
10	LÊ HỒNG VƯƠNG	PVD8	93	1	7			70	PVDO	Vietnamese
11	QUÁCH VĂN THĂNG	PVD8	24	1	4			71	PVDO	Vietnamese
12	PHẠM VĂN KHAI	PVD8	90-91	2	15			89	PVDO	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN AN	PVD8	86	1	10			75	PVDO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	13	976	18	131	0	0	16		
2	TD1	0	0	0	0	1	5	6		
TOTAL		13	976	18	131	1	5	22		
WEIGHT KG			976		131		5			

GRAND TOAL: 1.112 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT
NGHIÊM VIỆT ANH





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: VANG-1	TO: BK16 - VSP02	CREW: NAM - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1328	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN NHƯ PHƯƠNG	BK16	99	1	5			73	XAYLAP	Vietnamese
2	DUCHENKO A.L	VSP02	05	1	4			137	KH-THAC	Russian
3	SERGIENKO S.E	VSP02	37	1	10			89	KH-THAC	Russian
4	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	86	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	04	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	VSP02	03	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	87	1	7			53	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ TÂN LINH	VSP02	35	1	5	4	65	63	KH-THAC	Vietnamese
9	DUƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	36	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	99	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	400	1	7			74	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ANH DUƠNG	VSP02	394-395	2	15			68	YTE	Vietnamese
13	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	500	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUẤN DUƠNG	VSP02	02	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐỖ QUỐC TRÌNH	VSP02	98	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM DUY QUANG	VSP02						68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MINH CƯỜNG	VSP02	97	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	95	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	01	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH DUƠNG	VSP02	96	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ MẠNH THĂNG	VSP02	06	1	5			51	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN HỮU KHÁNH	VSP02	94	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK16	1	73	1	5	0	0	0		
2	VSP02	21	1.519	21	125	4	65	22		
TOTAL		22	1.592	22	130	4	65	22		
WEIGHT KG			1.592		130		65			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

TRẦN HỒNG NAM

PHAN NHƯ CƯỜNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO:RP2	CREW: LINH - MTHAO - TÚ	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1332	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN CẢNH TÂN	RP2	68	1	3	3	45	69	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ MẠNH HÀ	RP2	65	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TÂN TÀI	RP2	55	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN SÁCH ĐƠN	RP2	66-67	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN KIM CƯỜNG	RP2	47	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MẠNH HUY	RP2	61	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	51	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ TUẤN ANH	RP2	54	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	59	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG THẾ ANH	RP2						71	NIPI	Vietnamese
11	PHAN VĂN THỊNH	RP2						73	NIPI	Vietnamese
12	NGÔ TUẤN ANH	RP2	60	1	10			79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHANH	RP2	53	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ THIÊN ĐẠT	RP2	48	1	9			66	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI HỮU TÂM	RP2	56	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TÙNG	RP2	49	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI SÁNG	RP2	50	1	3			61	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	57-58	2	18			70	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG HOANG LONG	RP2	44-45	2	14			68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRƯỜNG THÀNH	RP2	52	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ DUY QUYỀN	RP2	46	1	14			64	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2						69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP2	22	1.534	22	146	3	45	22		
TOTAL		22	1.534	22	146	3	45	22		
WEIGHT KG			1.534		146		45			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:45
B.CARD: NÂU-1	TO: BK6 - P2	CREW: LHM - THONG - DUNG	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM26/1334	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TIEN DUNG	BK6	21	1	4	3	50	72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ANH DUNG	BK6						95	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DAI THIEU	BK6	22	1	3			92	NIPI	Vietnamese
4	NHAM DIEN BIEN	BK6	57	1	3			71	NIPI	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HAI (12514)	BK6	60-61	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC THIEP	BK6	23	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN DAN	BK6	59	1	8			64	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐỖ QUANG TẠO	BK6	58	1	12	1	28	68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN TRỌNG MINH	BK6	56	1	5			68	PSV	Vietnamese
10	LÊ VĂN LONG	P2	49	1	6	2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC QUOC	P2	1000	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	52	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	54	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	13	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THÀNH NAM	P2	53	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ TRẦN MINH ĐẠT	P2	48	1	20			82	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐINH TUNG LAM	P2	09-11	3	20			73	T-TIN	Vietnamese
18	TRẦN ANH BAO	P2	12	1	12			66	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	50	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	47	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
21	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	51	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2	55	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK6	9	674	9	54	4	78	4		
2	P2	13	920	15	120	2	40	18		
TOTAL		22	1.594	24	174	6	118	22		
WEIGHT KG			1.594		174		118			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP:

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP:

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

LUU THANH HAI
NGUYỄN THỨC ĐÔNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO: PVD8 - SAVR	CREW: QVIỆT - N.ANH - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1325	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	ĐẶNG BA HUY	PVD8	28	1	5	2	21	78	PVDO	Vietnamese
2	ĐOÀN VĂN CÔNG	PVD8	31	1	6			65	PVDO	Vietnamese
3	LÊ VĂN HAI	PVD8	29	1	8			86	PVDO	Vietnamese
4	HOANG CÔNG THẮNG	PVD8	99	1	5	1	12	63	PVDO	Vietnamese
5	TRẦN NGON QUANG HUY	PVD8	30	1	7			78	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC TRUNG	PVD8	74-75	2	9			66	PSV	Vietnamese
7	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	PVD8	78-79	2	7			68	D-HANH	Vietnamese
8	ÔNG VĂN NĂM	PVD8	80	1	13			57	BAKER HUGHES	Vietnamese
9	LÊ CÔNG TRĂNG	PVD8	81-82	2	20			65	BAKER HUGHES	Vietnamese
10	LUCIAN NG FU LIANG	PVD8	76-77	2	16			109	BAKER HUGHES	Malaysian
11	NGUYỄN HỮU TỈNH	SAVR	96	1	8			70	PVD LOGGERS	Vietnamese
12	THÂN HOANG GIANG	SAVR	97-98	2	11			66	PVD LOGGERS	Vietnamese
13	ĐINH DUY LONG	SAVR	89	1	11			64	PVDWS	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN TƯỜNG	SAVR	88	1	13			67	PVDWS	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	SAVR	99,800	2	16			83	PVDWS	Vietnamese
16	HO TRONG DONG	SAVR	87	1	12			82	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	10	735	14	96	3	33	16		
2	SAVR	6	432	8	71	0	0	6		
TOTAL		16	1.167	22	167	3	33	22		
WEIGHT KG			1.167		167		33			

GRAND TOAL: 1.367 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

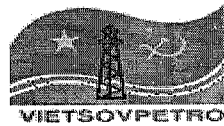
CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT

NGHIÊM VIỆT ANH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
B.CARD: VANG - 2	TO:MRM - BK8	CREW: NAM - N.CƯƠNG - HIẾU	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1329	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ CÔNG KHANH	MRM	94	1	14			65	HALLIBUR	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THỜI	MRM	99	1	14			67	KHOAN	Vietnamese
3	DƯƠNG BA VINH	MRM	82-83	2	20			97	DVL	Vietnamese
4	PHAN NGỌC TIẾN	MRM	98	1	9			60	DVL	Vietnamese
5	LA QUÝ DANH	MRM	96,900	2	19			58	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN HAI HÙNG	MRM	500	1	6			87	AMHFP	Vietnamese
7	NGÔ VĂN PHÚ	MRM	84	1	13			62	AMHFP	Vietnamese
8	NAGORNOV ILIA	MRM	87	1	18			105	AMHFP	Russian
9	MIKHALEV ALEKSANDR	MRM	85-86	2	23			105	AMHFP	Russian
10	NGUYỄN HOANG CẨM	BK8				2	35	77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VŨ HÙNG	BK8	53	1	15			83	CODIEN	Vietnamese
12	CAO HOÀI THƯƠNG	BK8	54	1	9	5	62	61	CODIEN	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐÌNH QUÂN	BK8	52	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG VIỆT HỢP	BK8	48	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK8	09	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGUYỄN HAI NINH	BK8	50-51	2	11			87	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK8	47	1	7			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	9	706	12	136	0	0	7		
2	BK8	8	577	8	57	7	97	15		
TOTAL		17	1.283	20	193	7	97	22		
WEIGHT KG			1.283		193		97			

GRAND TOAL: 1.573 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

TRẦN HỒNG NAM
PHAN NHƯ CƯƠNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: VSP02 - RC3	CREW: LINH - MTHAO - TÚ	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM26/1333	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LỮ SƠN	VSP02	76	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
2	LUÔNG HOANG ĐẠT	VSP02	77	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	75	1	5	3	40	75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VĂN PHƯƠNG	VSP02	15-16	2	12			89	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI HUY BÌNH	VSP02	14	1	2			78	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THAI SƠN	VSP02	28	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU TRI	VSP02	80-81	2	17			71	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	79	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔ VĂN HUNG	VSP02	17	1	8			66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP02	99,81	2	19			72	KH-THAC	Vietnamese
11	LE ĐÌNH KHOA	VSP02	73-74	2	10			77	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH HAI	VSP02	96	1	11			86	CODIEN	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN BIÊN	VSP02	97	1	12			70	CODIEN	Vietnamese
14	TÔ TIÊN TÙNG	VSP02	98	1	12			93	CODIEN	Vietnamese
15	ĐÀO VIỆT HAI	RC3	29	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN TRINH	RC3	27-28	2	10			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3						62	KH-THAC	Vietnamese
18	LE VĂN QUÂN	RC3	30	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐỖ QUANG KHAI	RC3	31-32	2	12			90	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP02	14	1.047	18	131	3	40	13		
2	RC3	5	373	6	36	0	0	8		
TOTAL		19	1.420	24	167	3	40	21		
WEIGHT KG			1.420		167		40			

GRAND TOAL: 1.627 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

NGÔ VĂN LINH

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:05
B.CARD: NAU-2	TO: BK5 - BK3 - P2	CREW: LHM - TDONG - DUNG	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM26/1335	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRAN QUANG BINH	BK5	87	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
2	DOAN VAN TRINH	BK5	88	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
3	LE HUNG CUONG	BK5	83	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN TRONG SON	BK5	89	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
5	DO DANH NGOC	BK5	84-85	2	17			80	KH-THAC	Vietnamese
6	VO ANH TUAN	BK5	90	1	6	1	10	67	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HONG DIEN	BK5	86	1	5			67	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN ANH TUAN	BK3	94-95	2	8			66	PSV	Vietnamese
9	LE ANH TU	P2	89-91	3	21			81	KH-THAC	Vietnamese
10	LE VAN NAM	P2	97	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN MANH TUAN	P2						77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN XUAN THUY	P2	92	1	5	3	55	57	KH-THAC	Vietnamese
13	HO HUY QUYNH	P2						64	KH-THAC	Vietnamese
14	NGO TUAN HUNG	P2	88	1	4			52	KH-THAC	Vietnamese
15	LE SY VANG	P2	96	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM VAN DONG	P2	93	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CONG LUY	P2	99,500	2	15			64	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM THANH HIEN	P2	95	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN THANH HOAN	P2	94	1	11			90	KH-THAC	Vietnamese
20	LUU ANH TUAN	P2	98	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK5	7	521	8	55	1	10	4		
2	BK3	1	66	2	8	0	0	3		
3	P2	12	842	13	86	3	55	15		
TOTAL		20	1.429	23	149	4	65	22		
WEIGHT KG			1.429		149		65			

GRAND TOAL: 1.643 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

LUU THANH HAI

NGUYEN THUC DONG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: CTC1 - BK6 - P5	CREW: XHOÀN - NPHÚ - THỤ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM26/1326	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN ANH ĐỨC	CTC1	65-66	2	13	1	11	68	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG HUU SON	CTC1	69	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN DUNG	CTC1	67	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	62	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THỂ MẠNH	CTC1	64	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	63	1	3			50	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT HÙNG	CTC1	71	1	11			97	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VŨ TIẾN THÀNH	CTC1	70	1	7			96	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI VĂN MẠNH	CTC1	79	1	5			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CHÍ THANH	CTC1	78	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THANH HOANG	CTC1	68	1	14			69	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NGỌC TÂN	CTC1	58	1	8	1	18	63	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ XUÂN HOÀN	CTC1	73	1	12	1	29	62	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG BA ĐỨC	CTC1	60	1	9	4	63	86	XAYLAP	Vietnamese
15	HA VĂN NHIỆM	CTC1	80	1	10	1	15	68	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM VĂN TÂN	CTC1	76	1	9	1	18	64	XAYLAP	Vietnamese
17	CU THỂ CANH	CTC1	56	1	13	1	14	58	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TUẤN	CTC1	74	1	16	1	9	79	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN NAM ĐỊNH	CTC1	54	1	12	1	12	73	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐÌNH ĐỨC VƯƠNG	CTC1	72	1	13			76	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTC1	20	1.440	21	182	12	189	14		
2	BK6	0	0	0	0	0	0	3		
3	P5	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		20	1.440	21	182	12	189	22		
WEIGHT KG			1.440		182		189			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
B.CARD: TRANG-3	TO:RC10 - RP2	CREW: LTUẤN - HUNG - VŨ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 10	VNHS FLIGHT: TM26/1330		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ CÔNG MINH HIẾU	RC10	19-20	2	14			98	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ VĂN SANG	RC10	10	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	11-12	2	12	2	33	63	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM QUANG LỢI	RC10	32	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH DUY	RC10	15-16	2	10		50	83	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN ANH	RC10	14	1	13			66	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN TŨ	RC10	13	1	8			54	PSV	Vietnamese
8	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	RP2						83	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	RP2	79	1	7			105	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BÌNH	RP2	88	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	RP2	76-77	2	10			75	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI VĂN TUẤN	RP2	83	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THẾ HỒI	RP2	75	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐỨC THUẬN	RP2	78	1	13			79	KH-THAC	Vietnamese
15	KOMARITSKITH K	RP2	92	1	10			96	KH-THAC	Russian
16	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	RP2	84	1	13			64	YTE	Vietnamese
17	TRẦN VĂN VIỆT	RP2	86	1	6	3	21	74	PSV	Vietnamese
18	TRẦN MINH HÙNG	RP2	87	1	5			85	PSV	Vietnamese
19	TRẦN TRỌNG QUI	RP2	85	1	5			66	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LẬP	RP2	81	1	6			65	PSV	Vietnamese
21	VŨ ĐÌNH TŨ	RP2	80	1	7			65	PSV	Vietnamese
22	PHAN VĂN HỒNG	RP2	82	1	6			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	7	507	10	74	2	83	4		
2	RP2	15	1.129	15	107	3	21	18		
TOTAL		22	1.636	25	181	5	104	22		
WEIGHT KG			1.636		181		104			

GRAND TOAL: 1.921 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐÌNH THỊ HOA

CREW

LUƠNG MẠNH TUẤN
LÊ QUÝ HUNG





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: XANH--4	TO: RC4 - P2	CREW: XHOÀN - NPHÚ - THỤ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM26/1327	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN QUỐC ĐẠI	RC4	38-39	2	19	2	48	85	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN TAM	RC4	37	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NHẬT KIM LONG	RC4	33-34	2	20			53	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM LÊ TUẤN ANH	RC4	35-36	2	13			67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TINH	P2	65-66	2	18	1	11	79	CODIEN	Vietnamese
6	ĐO NGỌC TÂN	P2	61	1	11			77	KHI	Vietnamese
7	PHẠM VĂN SƠN	P2	75	1	3			58	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG HOAN	P2	59	1	10	1	13	78	DVL	Vietnamese
9	PHAN TRỌNG THẮNG	P2	70	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P2	78-79	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM CAO CƯỜNG	P2	84	1	14			64	XAYLAP	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN NHIỀU	P2	64	1	10			80	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN DŨNG	P2	80	1	15	1	9	85	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN THANH	P2	69	1	12			73	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHƯƠNG	P2	71-72	2	18			61	XAYLAP	Vietnamese
16	TRỊNH VĂN BÀU	P2	82-83	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC VIỆT	P2	73-74	2	21			72	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN NGỌC	P2	67	1	10	1	12	78	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM VĂN HÙNG	P2	76-77	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC4	4	268	7	64	2	48	0		
2	P2	15	1.085	21	215	4	45	20		
TOTAL		19	1.353	28	279	6	93	20		
WEIGHT KG			1.353		279		93			

GRAND TOAL: 1.725 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/03/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:35
B.CARD: CAM-4	TO: PVD8 - P4	CREW: LTUẤN - HÙNG - VŨ	ETA: 16:25
VSP FLIGHT: 12		VNHS FLIGHT: TM26/1331	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN THÔNG	PVD8	27-28	2	19			76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHẮC NGỌC	PVD8	15-16	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY ĐƯƠNG	PVD8	20	1	15			67	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐÌNH VĂN HÙNG	PVD8	18-19	2	17			66	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PVD8	17	1	14			63	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM NGỌC NAM	PVD8	21-22	2	19			73	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN QUỐC VIỆT	PVD8	23-24	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ QUỐC KHAI	PVD8	25-26	2	15	1	21	70	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TÁT VINH	PVD8	29	1	5			77	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT TOÀN	PVD8	14	1	7			89	PSV	Vietnamese
11	TRẦN NHỰT TRƯỞNG	PVD8	13	1	4			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	11	770	17	152	1	21	16		
2	P4	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		11	770	17	152	1	21	22		
WEIGHT KG			770		152		21			

GRAND TOAL: 943 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LƯƠNG MẠNH TUẤN

LÊ QUÝ HÙNG